TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST
Ngày: 16/6/2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - Q

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan T Anh
***Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Bà Tạ Thị Hồng.
2. Ông QuốcNguyễn Văn Giới.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Tố Tâm -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Đình Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐST-DS ngày 22/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q(sau đây viết tắt là V); Địa chỉ: tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, quận 1 (nay là phường S), thành phố H.

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Đại diện theo ủy quyền của ông Hàn Ngọc Vũ là*: Ông Hà Hoàng H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng bán lẻ Miền Bắc - Khối xử lý nợ V.

- *Đại diện theo ủy quyền của ông Hà Ngọc H là*: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Xuân Th là cán bộ Ngân hàng Q(theo Giấy ủy số 141949.26 ngày 12/5/2026 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam). Có mặt.

2. *Bị đơn*:

- Anh Lê Anh T, sinh năm 1993; nơi thường trú tại: tổ 2, khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị Th, sinh năm 1993; nơi thường trú tại: tổ 2, khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, tỉnh Q.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam(sau đây viết tắt là V) có nội dung thể hiện: V đã ký với anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th hợp đồng tín dụng số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019 với nội dung V cho anh Lê Anh T vàchị Lê Thị Th vay số tiền 580.000.000 đồng; Mục đích vay vốn mua xe ô tô nhãn hiệu

TOYTA INNOVA, biển kiểm soát 14A-433.38 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số: 1912054/HĐMB ngày 12/12/2019 mục đích tiêu dùng; Thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 21/12/2019 đến 20/12/2027; Lãi suất vay 9,9%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; Ngày trả gốc vào ngày 02 hàng tháng, số tiền trả gốc 6.042.000 đồng. ngày trả lãi vào ngày 02, kỳ trả lãi đầu tiên ngày 02/01/2020. Ngày 20/12/2019 V đã giải ngân cho anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 345.KUNN1.026.19 với số tiền 580.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYTA INNOVA, biển kiểm soát 14A-433.38 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078601 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Q cấp ngày 18/12/2019 đứng tên anh Lê Anh T. Tài sản này được thế chấp tại V theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 345.HDDTC1.026.19 ngày 19/12/2019. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay của anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th bị phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 03/7/2023.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn V đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện cho anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên anh T, chị Th không hợp tác trả nợ cho V. Tạm tính đến ngày 10/01/2026, anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th đã thanh toán cho V số tiền là 456.076.602 đồng, trong đó gốc là 264.264.000 đồng, lãi là 191.812.602 đồng và còn nợ V số tiền là 491.939.342 đồng. Bao gồm nợ gốc là 315.736.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.288.750 đồng, nợ lãi quá hạn là 111.001.210 đồng và nợ lãi chậm trả là 10.913.382 đồng.

V khởi kiện anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th ra trước Tòa án nhân dân khu vực 5 - Q), đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của V bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng tín dụng đã ký kết: số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019 do anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của V.

2, Buộc anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th phải trả ngay toàn bộ nợ cho V Tạm tính đến ngày 16/06/2026 là: 524.831.691 đồng. Bao gồm: nợ gốc là 315.736.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.288.750 đồng, nợ lãi quá hạn là 141.558.399 đồng và nợ lãi chậm trả là 13.248.542 đồng.

Anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày tuyên án cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền phải trả V theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Công nhận hợp đồng thế chấp số 345.HDDTC1.026.19 ngày 19/12/2019 có hiệu lực pháp luật và tiếp tục ràng buộc các bên theo nội dung đã thỏa thuận.

4. Trường hợp anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản phải trả cho V thì V được quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo các phương thức và nộ dung quy định đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện kê

biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYTA INNOVA, biển kiểm soát 14A-433.38 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078601 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Q cấp ngày 18/12/2019 đứng tên anh Lê Anh T theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 345.HDDTC1.026.19 ngày 19/12/2019.

5. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th với V, Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V.

* Bị đơn anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không thể hiện quan điểm của bị đơn.

* Biên bản xác minh ngày 03/3/2026, tại khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, tỉnh Q, bà Dương Thị Thu Hạnh - Trưởng khu Vĩnh Lâm cung cấp thông tin có nội dung thể hiện: anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th là công dân cư trú tại khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, tỉnh Q. Năm 2019, anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th có mua 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung 3EM3K3370510, số máy ITRA697917, biển kiểm soát 14A-433.38 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078601 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Q cấp ngày 18/12/2019 tên chủ xe Lê Anh T và có làm thủ tục thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền. Tuy nhiên, chiếc xe ô tô do anh Lê Anh T là người trực tiếp sử dụng. Sau đó anh T và chị Th đi làm ăn xa cũng không khai báo tạm vắng, tạm trú, thỉnh thoảng mới thấy anh T, chị Th có mặt tại địa phương. Hiện tại chiếc xe ô tô nêu trên không có ở địa phương và không biết chiếc xe ô tô đang ở đâu, không biết người nào đang quản lý, sử dụng chiếc xe này.

* Công văn số 2367/CSGT ngày 01/6/2026 của Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Q có nội dung thể hiện: Xe ô tô biển kiểm soát 14A-433.38, chủ xe Lê Anh T, địa chỉ: tổ 2, khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, tỉnh Q, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: INNOVA, số khung: RL4JW3EM3K375010, đến thời diểm hiệu tại chưa làm các thủ tục đăng ký sang tên, chuyển quyền sở hữu, mua bán, tặng cho hoặc cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Q phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng đã ký kết: số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019, và yêu cầu trả nợ, xử lý tài sản thế chấp theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và các hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP Q(sau đây gọi tắt là V) và anh Lê Anh T, chị Lê Thị Th là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th cùng có nơi thường trú tại: tổ 2, khu Vĩnh Lâm, phường Mạo Khê, tỉnh Q. Do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 - Q, theo khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Về việc vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th vắng mặt.Mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho các bị đơn. Tuy nhiên, các bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về nội dung:

2.1 Về yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng tín dụngđã ký kết số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019. Do bị đơn anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên V có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng thu hồi nợ là không vượt quá yêu cầu khởi kiện phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên cần được chấp nhận.

2.2 Buộc anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th phải trả ngay toàn bộ nợ cho V tạm tính đến ngày 16/6/2026 là: 524.831.691 đồng. Bao gồm: nợ gốc là 315.736.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.288.750 đồng, nợ lãi quá hạn là 141.558.399 đồng và nợ lãi chậm trả là 13.248.542 đồng.

- Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng đã ký kết:số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 345.KUNN1.026.19 ngày 20/12/2019, giữa V và anh Lê Văn T, chị Lê Thị Th: Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa V và anh Lê Anh T, chị Lê Thị Th là hoàn toàn phù hợp với Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng 2017 (Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024);khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 52/2025/TT-NHNN ngày 25/12/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ các bên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh T, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 03/7/2023 đồng thời bị tính nợ quá hạn, anh T và chị Th trả nợ không theo đúng các kỳ đã thỏa thuận và không trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là vi phạm Hợp đồng tín dụng, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

2.3 Về yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật: Xét tính hợp pháp Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 345.HDDTC1.026.19 ngày 19/12/2019(sau đây gọi tắt là hợp đồng thế chấp): anh Lê Anh T, chị Lê Thị Th ký kết Hợp đồng thế chấp với V thể hiện các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự,

hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 317 của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ các bên được pháp luật bảo vệ.

- Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số số 345.KUNN1.026.19 ngày 20/12/2019, anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th ký nhận nợ 580.000.000 đồng và anh T, chị Th đã trả cho V 456.076.602 đồng, trong đó gốc là 264.264.000 đồng, lãi là 191.812.602 đồng và còn nợ V số tiền tạm tính đến ngày 16/06/2026 là: 524.831.691 đồng. Bao gồm: nợ gốc là 315.736.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.288.750 đồng, nợ lãi quá hạn là 141.558.399 đồng và nợ lãi chậm trả là 13.248.542 đồng, lãi suất vay: lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,9%/năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn ưu đãi lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,40%/năm; trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 02 hàng tháng. Kỳ trả gốc đầu tiên ngày 02/01/2020.Ngày 03/7/2023 anh T và chị Th đã quá hạn theo thỏa thuận. Từ đó dẫn đến anh T, chị Th vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ, phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

2.4 Về yêu cầu: buộc anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với V từ sau ngày 16/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm a Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên cần chấp nhận.

2.5 Về yêu cầu: Trường hợp anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản phải trả cho V thì V được quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hoặcđề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYTA INNOVA, biển kiểm soát 14A-433.38 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078601 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Q cấp ngày 18/12/2019 đứng tên anh Lê Anh T theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 345.HDDTC1.026.19 ngày 19/12/2019,bảo đảm khoản vay của anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th, là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về xử lý tài sản bảo đảm: theo quy định tại Điều 299; Điều 300 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự; Điều 2 và Điều 9 của Hợp đồng thế chấp nêu trên, do anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th có nghĩa vụ phối hợp với V trong việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy việc thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, quyền và nghĩa vụ các bên đã được quy định rõ trong Hợp đồng thế chấp và đã được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận.

2.6 Về yêu cầu: Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th đối với V, sau

khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ chung thì anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V, Xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 307 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho V toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Q.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 299; Điều 307; Điều 317; Điều 323; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn -Ngân hàng TMCP Q(V) đối với bị đơn anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th.

1.1 Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng tín dụng đã ký kết:số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019 giữa V và anh Lê Anh T, chị Lê Thị Th.

1.2 Về nghĩa vụ trả nợ:

- Buộc anh Lê Anh T và chị Lê Thị Thphải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q(V), tổng số tiền là 524.831.691 đồng. (Trong đó: nợ gốc là 315.736.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.288.750 đồng, nợ lãi quá hạn là 141.558.399 đồng và nợ lãi chậm trả là 13.248.542 đồng) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết: số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số số 345.KUNN1.026.19 ngày 20/12/2019, giữa V và anh Lê Anh T, chị Lê Thị Th.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số số 345.KUNN1.026.19 ngày 20/12/2019, giữa V và anh Lê Anh T, chị Lê Thị Th.

1.3 Công nhận hợp đồng thế chấp số 345.HDDTC1.026.19 ngày 19/12/2019 có hiệu lực pháp luật và tiếp tục ràng buộc các bên theo nội dung đã thỏa thuận đến khi tất toán khoản nợ.

1.4 Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp khoản nợ chung giữa anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCPQ(V) thì V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYTA INNOVA, biển kiểm soát 14A-433.38 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 078601 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Q cấp ngày 18/12/2019 đứng tên ông Lê Anh T theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 345.HDDTC1.026.19 ngày 19/12/2019.

1.5 Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật không đủ thanh toán hết nghĩa vụ thì anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th phải tiếp tục trả hết toàn bộ số tiền nợ chung theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết: số 345.HDDTD1.026.19 ngày 19/12/2019 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số số 345.KUNN1.026.19 ngày 20/12/2019, giữa V và anh Lê Anh T, chị Lê Thị Th.

2. Về án phí:

Buộc anh Lê Anh T và chị Lê Thị Th phải liên đới nộp 24.993.268đ (*hai mươi bốn triệu chin trăm chin mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho V số tiền 11.613.000 (*mười một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002635 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Q.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Q;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Q;
- TANDtỉnh Q;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan T Anh